

Quản lý kỹ thuật trong thâm canh lúa ở Hợp tác xã Song Phượng

TRẦN LÂM QUANG

Tại Hợp tác xã Song Phượng (huyện Đan Phượng, ngoại thành Hà Nội) chúng tôi đã thấy việc thực hiện một nề nếp quản lý kỹ thuật ở một trình độ khá cao, được điều khiển bằng một hệ thống chế độ kinh tế - kỹ thuật tương đối hoàn thiện, nhằm làm cho người nông dân xã viên luôn tha thiết với kỹ thuật mới, luôn quan tâm tới kết quả sản xuất cuối cùng, luôn tự giác thực hiện những quy định kỹ thuật đã được giao. Nói cách khác, ở đây, chúng tôi đã bắt đầu hiểu được một phương pháp, một cách thức để làm cho người xã viên « coi việc hợp tác xã như việc nhà », « coi việc công như việc tư », gắn bó chặt chẽ quyền lợi của mình với quyền lợi của Nhà nước và của hợp tác xã. Và theo ý kiến của các đồng chí lãnh đạo Hợp tác xã Song Phượng, thì đó « chính là điều kiện quan trọng bậc nhất để người xã viên thực hiện nghiêm túc, nhiệt tình, tự giác, với tất cả tâm huyết của mình, các quy định kỹ thuật đã được giao ».

..

Chúng tôi được biết Hợp tác xã Song Phượng là một cơ sở sản xuất nông nghiệp có trình độ thâm canh cao, làm ra nhiều sản phẩm trên 1 hecta canh tác: liên tục 10 năm liền đạt năng suất lúa trên dưới 10 tấn/1 ha/2 vụ trong năm; đạt gần 3 lợn/1 hecta gieo trồng - với trọng lượng lợn xuất chuồng ở trại tập thể là: 106 kg/1 con; hàng năm, trên 1 ha canh tác, đóng góp cho Nhà nước tới 2,5 tấn thóc và trên 200kg thịt lợn hàng hóa; giá trị sản lượng bình quân cho 1 lao động trong 1 năm đạt 1.100 đồng, trong đó giá trị mới sáng tạo ra là 640 đồng; tiền công bình quân 1 lao động mỗi tháng được 50 đồng, và giá trị ngày công của 1 lao động là 1,8 đồng; định suất lương thực liên tục ổn định qua nhiều năm từ 18 đến 30kg. Đặc biệt giá trị sản lượng nông nghiệp trên 1 hecta canh tác ở Song Phượng năm 1978 đạt tới 5.500 đồng, đó là chỉ tiêu tổng hợp nhất, gần đây nhất, nói lên trình độ thâm canh khá cao của Song Phượng, chứng tỏ Song Phượng đang ở mức dẫn đầu

về trình độ thâm canh trong số các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp tiên tiến.

Để đạt được thành tích như trên, có nhiều nguyên nhân, ở đây chúng tôi muốn tập trung nói về một nguyên nhân quan trọng, đó là « Song Phượng đã có một cách riêng của mình, khá sáng tạo, dựa trên những đòn bẩy kinh tế, nhằm xây dựng cho được một nề nếp quản lý kỹ thuật ở cơ sở, đảm bảo cho xã viên luôn thực hiện đúng các quy định kỹ thuật đã được giao; kiên quyết chống thói làm bừa, làm ẩu, bất chấp kỹ thuật, không cần tính tới kết quả sản xuất cuối cùng ».

Để làm cho toàn bộ các khâu trong quy trình kỹ thuật sản xuất lúa đi vào nề nếp, Song Phượng lấy « hoàn chỉnh thủy nông » làm biện pháp hàng đầu. Ngày nay ở Song Phượng đã có một hệ thống kênh mương, bờ vùng, bờ thửa đẹp, chắc chắn, cỏ xanh dễ giữ bờ, trên đồng « đầu bờ » theo một số bờ ruộng, trồng hương nhu theo một số bờ vùng, bờ thửa, và trồng điên thanh theo một số bờ kênh, đảm bảo cho bờ không bị sụt lở, luôn được chăm sóc chu đáo, đảm bảo dẫn nước vào ruộng theo một « lịch nước » đã quy định của Ban quản trị. Chính nhờ thế, Song Phượng đã chủ động quy định được ruộng nào làm ải, ruộng nào để dầm, ruộng nào để nhân giữ giống bèo dậu; đã chủ động điều động được nhân công trong thời vụ cấy thẳng để làm đất, đổ ải, cây vụn rạ, thả bèo dậu... Không giải quyết được khâu tưới tiêu chủ động này, Song Phượng cũng như các hợp tác xã khác, không thể có được việc thực hiện nghiêm túc tất cả các quy định kỹ thuật cần phải làm tiếp theo trong suốt quá trình canh tác. Để làm được việc này, Ban quản trị Hợp tác xã Song Phượng đã quy định một chế độ khoán rất rõ rệt cho đội thủy nông ở hợp tác xã là: « Đội thủy nông phải đảm bảo nước hoàn toàn chủ động theo lịch nước của Ban quản trị, phải giữ được nước theo quy định trong từng thời kỳ. Nếu thiếu nước ở một ruộng nào đó, trong một lúc nào đó sai quy định, đội thủy nông, cụ thể là từng cá nhân đội viên được chia ra phụ trách từng khu

vực ruộng nhất định, sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm và sẽ bị trừ công điểm rất nặng, nếu không có lý do chính đáng. Bên cạnh đó Ban quản trị còn chỉ một số công điểm thích đáng cho việc sửa sang bờ vùng, bờ thửa, đắp bờ ruộng bị sạt lở, trung bình một đội mất khoảng 70 công. (Điều này nhiều hợp tác xã không làm).

Cuối vụ, các đội viên thủy nông căn cứ theo năng suất lúa ở ruộng mình phụ trách mà được phân phối ăn chia theo kết quả sản xuất cuối cùng của các ruộng này.

Kinh nghiệm thứ hai của Song Phượng là đã đưa các quy định kỹ thuật về phân bón cho lúa vào nề nếp một cách khá vững chắc, theo một phương pháp có tính phổ biến cao, dễ áp dụng, tương đối phù hợp với thực tế nông thôn Việt Nam hiện nay.

Cụ thể là : để đạt 5 tấn thóc 1 hecta canh tác phải có 10 tấn phân chuồng ; để đạt 6 tấn/1 ha phải có 15 tấn phân chuồng ; và để đạt 7 tấn/1ha thì phải có 20 tấn phân chuồng. Song, ở hợp tác xã Song Phượng, liên tục qua 10 năm trở lại đây, đã bón mỗi hecta canh tác tới trên dưới 30 tấn phân chuồng ; Đây là một cố gắng rất lớn của Song Phượng, nếu chúng ta biết rằng hiện nay bình quân 1 hecta canh tác của ta mới chỉ được bón có 5 — 6 tấn phân chuồng.

Để thực hiện quy định kỹ thuật về phân bón như trên, hợp tác xã Song Phượng đã phải có một hệ thống các chế độ như sau :

a) Giao nghĩa vụ bán phân cho hợp tác xã rất cụ thể, rất chi tiết tới từng gia đình xã viên, coi đó là một nghĩa vụ nhất thiết phải làm và sẽ tính vào phương án ăn chia cuối vụ. Ngoài ra, Song Phượng còn có những chế độ khuyến khích về phân bón rất thiết thực (như bán thêm thóc, chia thêm hoa màu lương thực vụ đông, bán thêm các sản phẩm phụ của hợp tác xã : bí ngô, đậu đỗ, rau quả...) Do đó xã viên nào làm được nhiều phân bón thì rõ ràng có thu nhập cao hơn hẳn người làm được ít phân bón.

b) Việc thu mua phân của xã viên không chỉ có phân chuồng, mà còn mua tất cả các loại phân khác, với giá cả quy định như sau :

1 tấn lá xoan bằng 4 tấn phân chuồng (40đ/1 tấn).

1 tấn phân bắc bằng 5 tấn phân chuồng (50đ/1 tấn) ;

1 tấn phân trâu bò nguyên chất bằng 2,5 tấn phân chuồng (25đ/1 tấn) ;

Số tiền bán phân đó, cũng theo quy định như trên mà được đưa vào sổ phân phải bón theo kế hoạch và được hợp tác xã bán cho một số thóc và các sản phẩm hoa màu khác khuyến khích như đã nêu trên.

c) Ngoài ra, đề tặng hơn nửa lượng phân bón, hợp tác xã còn quy định thêm : 1 lao động chính, mỗi năm phải góp cho hợp tác xã 200 kg đất nỏ đập thành bột, để hợp tác xã chế biến phân, 2 tạ đất bột nỏ này được tính bằng 1 tạ phân chuồng.

Hợp tác xã còn giao chỉ tiêu làm phân bón rất cụ thể, rất kiên quyết cho chăn nuôi tập thể (là một điều hiện nay nhiều hợp tác xã không làm). Dựa trên quy định kỹ thuật : đã có 5 tấn thóc, phải bón 1 hecta 10 tấn phân chuồng. Với 200 hecta canh tác, để đạt 5 tấn/1ha, hợp tác xã phải có 2 000 tấn phân chuồng. Với 10—15% đất canh tác dành cho chăn nuôi tập thể, hợp tác xã quy định: mỗi năm trại chăn nuôi tập thể phải giao nộp cho hợp tác xã đúng 2 000 tấn phân chuồng loại tốt, đủ để hợp tác xã đảm bảo mức 5 tấn thóc/1 hecta. Số còn lại, hợp tác xã dựa vào phân bón của gia đình xã viên. Để giúp trại chăn nuôi tập thể làm được số phân bón 2 000 tấn này, Ban quản trị đã có các biện pháp sau :

a) Lập tổ chế biến phân với quy định khoán : « cứ làm được 1 tạ phân giao cho hợp tác xã thì được tính 5—6 điểm, tính thành tiền thì ngày công lao động của xã viên làm phân bón được tới trên dưới 2 đ/1 ngày (cao hơn thù lao của xã viên mức trung bình khá) và thu nhập 1 tháng của một xã viên làm phân được 60 đồng ;

b) Tập trung 30% số rơm rạ trong 1 năm cho Trại tập thể để làm chất độn chế biến phân ;

c) Trại tập thể tích cực lấy bùn ao, phù sa phơi nỏ để làm những nguyên liệu chế biến phân.

Do chế độ công điểm hợp tình, hợp lý và có khuyến khích thiết thực như vậy, trại chăn nuôi tập thể của hợp tác xã năm nào cũng hoàn thành định mức về chế biến phân, và thực hiện được nhiệm vụ cơ bản của trại chăn nuôi tập thể ở hợp tác xã là : « chủ yếu lấy phân, tất yếu lấy thịt » như trên đã quy định.

d) Mặt khác, theo chúng tôi, Ban quản trị hợp tác xã Song Phượng cũng hiểu những quy định kỹ thuật của trên một cách khá sáng tạo. Nghĩa là : 1 tấn phân bón vào đúng những lúc cần bón, có giá trị cao hơn nhiều so với những lúc bình thường. (Nghĩa là tiền phân lúc đó cao hơn, thóc bán khuyến khích nhiều hơn...).

Nói cách khác : Song Phượng cho rằng không phải chỉ có đủ lượng phân bón, mà còn phải bón phân đúng lúc, đúng cách nữa.

Kinh nghiệm thứ ba của Song Phượng là về chăm sóc, trên cơ sở gắn rất chặt trách nhiệm vật chất của xã viên với kết quả sản xuất cuối cùng của thửa ruộng mà họ được giao.

Thăm nhuận câu nói: « công cấy là công bỏ, công làm cỏ là công ăn », HTX Song Phượng đã rất quan tâm đến số lao động dôi dào của mình, và coi đầu tư thật nhiều lao động hữu ích trên 1 đơn vị diện tích chính là một biện pháp quan trọng để thâm canh lúa. Hợp tác xã Song Phượng có cách làm khá tốt: hàng vụ, sau khi cấy xong, các đội trưởng đều khoán việc chăm sóc từng thửa ruộng cho mỗi xã viên (theo lối bốc thăm); khi khoán, từng đội trưởng sẽ khoán ngay sản lượng mà thửa ruộng ấy phải đạt (theo số trung bình sản lượng của phường án ăn chia trong nhiều năm). Nếu đạt được sản lượng đó, hộ xã viên ấy sẽ được thù lao một số công điểm thích đáng. Nếu sản lượng thực tế vượt hơn số khoán, hộ xã viên sẽ được thưởng công điểm (tính theo hiện vật là thóc). Với cách như vậy, nhiều hộ xã viên đã hết lòng hết sức chăm chút mảnh ruộng của hợp tác xã đã giao khoán cho mình. Họ « sớm thăm tối nom », tận dụng cả lao động phụ, lao động ngoài giờ trong việc sục bùn, làm cỏ, phạt bờ, cuốc góc, kết quả là, các ruộng ở Song Phượng không chỉ được làm cỏ 3 lượt (như quy định kỹ thuật trên giao) mà trung bình là 8 lượt, có thửa được làm cỏ tới 12 - 15 lượt. Và không chỉ làm cỏ, xã viên còn nhặt nhặt cả những bông lúa lạ mọc không đồng đều trong thửa ruộng đó. Nhờ đó, độ đồng đều về năng suất lúa ở Song Phượng ngày càng tăng.

Qua hợp tác xã Song Phượng, chúng tôi có một ấn tượng sâu sắc về cách đưa công tác quản lý kỹ thuật ở một cơ sở sản xuất nông nghiệp vào nề nếp, trên cơ sở một hệ thống chế độ đòn bẩy kinh tế nhằm khuyến khích người xã viên ham mê kỹ thuật mới, áp dụng

giống mới và các biện pháp kỹ thuật tiên tiến, gắn chặt quyền lợi của họ và quyền lợi của Nhà nước và hợp tác xã, khiến chúng tôi tin tưởng vào tiềm năng lao động có kỹ thuật rất dồi dào của người nông dân xã viên Việt Nam, vào thiên nhiên nhiệt đới Việt Nam. Rõ ràng, chỉ với những bờ ruộng, bờ kênh (ở nhiều hợp tác xã khác thì bỏ đi), ở Song Phượng đã trồng hương nhu và thu lãi mỗi năm 50 000 đồng tiền bán tinh dầu hương nhu. Có xã viên ở Song Phượng nói: « Hương nhu là vàng xanh của hợp tác xã chúng tôi ». Cũng những bờ kênh (nhiều hợp tác xã khác không chú ý sử dụng), thì ở Song Phượng đã chia cho từng hộ xã viên, đầu tư cho họ hạt giống điền thanh, sau đó hợp tác xã thu lá điền thanh làm phân xanh, và xã viên thì lấy thân điền thanh để đun, bót được rạ để cày vụn rạ, thêm chất mùn cho lúa.

Những thí dụ như vậy ở Song Phượng có rất nhiều.

Nhưng thật đáng tiếc, trong việc xây dựng một nề nếp quản lý kỹ thuật, Song Phượng mới chú ý tới khía cạnh kinh tế của vấn đề. Trong khâu quản lý kỹ thuật, Song Phượng còn thiếu một tổ chức giúp Ban quản trị làm tốt công tác này, đó là Ban kỹ thuật ở hợp tác xã. Ban kỹ thuật sẽ giúp Ban quản trị tổ chức việc thực hiện các quy trình kỹ thuật; tổ chức hệ thống nghiệm thu kỹ thuật chặt chẽ; tổ chức những thực nghiệm kỹ thuật mới; làm những công việc có tính chất hành chính kỹ thuật...

Tuy nhiên, theo chúng tôi, thì cách làm như trên đã là những kinh nghiệm tốt. Chúng tôi mong những kinh nghiệm này được áp dụng rộng rãi, góp phần làm cho công tác quản lý kỹ thuật ở các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp sớm đi vào nề nếp.

Công nghệ nhiệt luyện...

(Tiếp theo trang 21)

Tồn tại và biện pháp khắc phục:

— Số thợ nhiệt luyện bậc cao, có nhiều kinh nghiệm, sau một thời gian sức khỏe yếu hoặc do yêu cầu công tác đã chuyển sang làm quản lý, nên ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, có nhiều sai hỏng đáng tiếc xảy ra. Do vậy cần duy trì các « thợ đầu đàn » trong sản xuất, với sự bồi dưỡng thích đáng cho họ.

— Số công nhân mới được bổ sung hàng năm tuy nhiều trẻ và xốc vác nhưng thiếu kinh nghiệm, làm ăn còn tùy tiện, thực hiện quy trình kém nên cũng hay gây ra các sai

hỏng, cần có biện pháp giáo dục, động viên và tạo điều kiện cho họ học tập thêm kỹ thuật.

Trong sản xuất hiện nay, chưa được phân rõ trách nhiệm của cán bộ kỹ thuật phòng và phân xưởng, nên giải quyết nhiều việc còn chông chéo. Quan hệ công tác giữa một số phòng và phân xưởng còn gây trở ngại cho nhau, chưa thật sự là quan hệ hợp tác xã hội chủ nghĩa, vì thế hạn chế sự tiến bộ kỹ thuật và không kịp thời phục vụ sản xuất.

— Các thiết bị đo nhiệt độ tự động cũng còn thiếu, nhất là ở các lò muối.